

Số: *19* /2019/QĐ-UBND

*Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định hạn mức bình quân diện tích đất ở và đất sản xuất  
đối với hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 18/TTr-BDT ngày 29 tháng 3 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định hạn mức bình quân diện tích đất ở và đất sản xuất đối với hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau để thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai.
2. Các cơ quan, đơn vị và địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 (sau đây viết tắt là Đề án chính sách đặc thù).
3. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) ở các ấp, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số; hộ nghèo (gồm cả dân tộc Kinh) ở xã khu vực III, ấp đặc biệt khó khăn theo chí hộ nghèo quy định tại

Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp; chưa có hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân quy định tại Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 4 của Quyết định này; chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất.

### **Điều 3. Hạn mức bình quân diện tích đất ở**

1. Hạn mức bình quân diện tích đất ở đối với hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau để thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ được quy định như sau:

- a) Đất ở khu vực đô thị: 80m<sup>2</sup>/hộ;
- b) Đất ở khu vực nông thôn: 100m<sup>2</sup>/hộ.

2. Hạn mức bình quân diện tích đất ở quy định tại Khoản 1 Điều này, đồng thời cũng là hạn mức cấp đất ở tối đa cho đối tượng thụ hưởng nội dung chính sách hỗ trợ về đất ở của Đề án chính sách đặc thù.

3. Việc giao đất ở phải gắn với phương án làm nhà ở trên diện tích đất được hỗ trợ, tránh tình trạng các hộ được hỗ trợ đất ở nhưng lại không có nhà ở.

### **Điều 4. Hạn mức bình quân diện tích đất sản xuất**

1. Hạn mức bình quân diện tích đất sản xuất đối với hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau để thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ được quy định như sau:

- a) Đất trồng hoa màu (cây hàng năm): 0,30 ha/hộ;
- b) Đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản: 0,50 ha/hộ;
- c) Đất trồng rừng sản xuất: 1,50 ha/hộ;
- d) Đất trồng cây lâu năm: 1,50 ha/hộ.

2. Hạn mức bình quân diện tích đất sản xuất quy định tại Khoản 1 Điều này, đồng thời cũng là hạn mức cấp đất sản xuất tối đa cho đối tượng thụ hưởng nội dung chính sách hỗ trợ về đất sản xuất của Đề án chính sách đặc thù.

3. Định mức hỗ trợ bằng tiền cho đối tượng thụ hưởng nội dung chính sách hỗ trợ về đất sản xuất của Đề án chính sách đặc thù thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

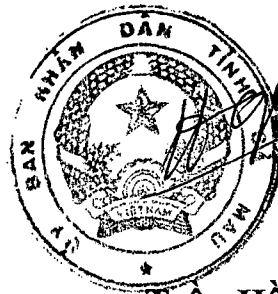
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

2. Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo ở xã, ấp đặc biệt khó khăn của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (Th.12). Tr 03/5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**